TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST Ngày: 04/02/2021 V/v " Tranh chấp ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Huỳnh Tấn Phong**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Trần Văn Hưng**
2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Sen**
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thế Anh** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên toà:* Không tham gia

Trong ngày 04 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 541/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Lê Đức T**, sinh năm 1987 (xin vắng)
Địa chỉ: Ấp V, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang
* Bị đơn: Chị **Đặng Thị T**, sinh năm 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: 127/7 ấp T, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Đức T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2009 qua quen biết tìm hiểu nhau anh Lê Đức T và chị Đặng Thị T đã tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo tập quán, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/9/2009 tại UBND xã L, huyện P (huyện L cũ), tỉnh Bình Phước. Thời gian sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, bản thân anh T đã nhiều lần cố gắng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng

vẫn không được, anh T và chị T đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay anh Lê Đức T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đặng Thị T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 14/06/2006. Hiện nay con chung đang sống cùng với anh T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi con đồng thời không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Lê Thị Ngọc A có trình bày trong "Bản tự khai" đề ngày 23/12/2020, trong trường hợp cha và mẹ cháu ly hôn với nhau, cháu Lê Thị Ngọc A có nguyện vọng được tiếp tục chung sống cùng với cha là Lê Đức T.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Đặng Thị T vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ và cũng không gửi bản khai ý kiến cho Tòa án.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn anh Lê Đức T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn chị Đặng Thị T vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Lê Đức T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân của anh và chị Đặng Thị T. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn anh Lê Đức T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Bị đơn chị Đặng Thị T vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Lê Đức T và chị Đặng Thị T.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2009 qua quen biết tìm hiểu nhau anh Lê Đức T và chị Đặng Thị T đã tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/9/2009 tại UBND xã L, huyện P (huyện L cũ), tỉnh Bình Phước là phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Đức T, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Lê Đức T và chị Đặng Thị T chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, bản thân anh T đã nhiều lần cố gắng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng vẫn không được hơn nữa anh T và chị T đã ly thân từ năm 2010 đến nay cho thấy tình trạng hôn nhân

giữa anh T và chị T là tình cảm vợ chồng không còn do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó cần chấp nhận yêu cầu của anh Lê Đức T yêu cầu được ly hôn với chị Đặng Thị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 14/06/2006. Hiện nay con chung đang sống cùng với anh T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi con đồng thời không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con của anh Lê Đức T, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Lê Thị Ngọc A có trình bày trong "Bản tự khai" đề ngày 23/12/2020, trong trường hợp cha và mẹ cháu ly hôn với nhau, cháu Lê Thị Ngọc A có nguyện vọng được tiếp tục chung sống cùng với cha là Lê Đức T. Do đó cần ghi nhận nguyện vọng của cháu Lê Thị Ngọc A, khi ly hôn giao cháu Lê Thị Ngọc A cho anh Lê Đức T được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục theo nguyện vọng của cháu là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Lê Đức T không yêu cầu chị Đặng Thị T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Lê Đức T là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Đức T yêu cầu được ly hôn với chị Đặng Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 14/06/2006 cho anh Lê Đức T được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục đồng thời chị Đặng Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, chị Đặng Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc nguyên đơn anh Lê Đức T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0006286 ngày 27/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên trực tiếp giải quyết theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Tấn Phong